

2.2. KẾ TOÁN QUẢN TRỊ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

2.2.1. Phân loại tài sản cố định.

Do TSCĐ trong doanh nghiệp có nhiều loại, với nhiều hình thái biểu hiện, tính chất đầu tư, công dụng và tình hình sử dụng khác nhau... nên để thuận lợi cho quản lý và hạch toán TSCĐ, cần sắp xếp TSCĐ vào từng nhóm theo những đặc trưng nhất định như phân theo hình thái biểu hiện, theo quyền sở hữu, theo đặc trưng kỹ thuật, ... Mỗi cách phân loại có các tác dụng khác nhau đối với công tác hạch toán và quản lý.

a. Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện.

Theo cách phân loại này, TSCĐ trong doanh nghiệp bao gồm TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

TSCĐ hữu hình: Là những TSCĐ có hình thái hiện vật cụ thể như nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, vật kiến trúc...

TSCĐ vô hình: Là những TSCĐ không có thực thể hữu hình nhưng đại diện cho một quyền hợp pháp nào đó và người chủ sở hữu được hưởng quyền lợi kinh tế.

Các ví dụ về TSCĐ vô hình là: Chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí nghiên cứu và phát triển, bằng sáng chế, phát minh...

Phân loại TSCĐ theo hình thái biểu hiện giúp cho người quản lý có một cách nhìn tổng thể về cơ cấu đầu tư của doanh nghiệp. Đây là một căn cứ quan trọng để xây dựng các quyết định đầu tư hoặc điều chỉnh phương hướng đầu tư phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài ra, các phân loại này còn giúp doanh nghiệp có các biện pháp quản lý tài sản, tính toán khấu hao khoa học và hợp lý đối với từng loại tài sản.

b. Phân loại tài sản cố định theo quyền sở hữu.

Căn cứ quyền sở hữu, TSCĐ của doanh nghiệp được chia thành hai loại: TSCĐ tự có và TSCĐ thuê ngoài.

- TSCĐ tự có là các TSCĐ được xây dựng, mua sắm và hình thành từ nguồn vốn ngân sách cấp hoặc cấp trên cấp, nguồn vốn vay, nguồn vốn liên doanh, các quỹ của doanh nghiệp và các TSCĐ được biếu, tặng.. Đây là những TSCĐ thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

- TSCĐ thuê ngoài là TSCĐ đi thuê để sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng thuê tài sản. Tùy theo điều khoản của hợp đồng thuê mà TSCĐ đi thuê được chia thành TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ thuê hoạt động.

- TSCĐ thuê tài chính: Là các TSCĐ đi thuê nhưng doanh nghiệp có quyền kiểm soát và sử dụng lâu dài theo các điều khoản của hợp đồng thuê nhà. Theo thông lệ Quốc tế, các TSCĐ được gọi là thuê tài chính nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau đây:

+ Quyền sở hữu TSCĐ thuê được chuyển cho bên kia thuê khi hết hạn hợp đồng.

+ Hợp đồng cho phép bên đi thuê được lựa chọn mua TSCĐ thuê với giá thấp hơn giá trị thực tế của TSCĐ thuê tại thời điểm mua lại.

Chương II - Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh

+ Thời hạn thuê theo hợp đồng ít nhất phải bằng 3/4 (75%) thời gian hữu dụng của TSCĐ thuê.

+ Giá trị hiện tại của khoản chi theo hoạt động ít nhất phải bằng 90% giá trị của TSCĐ thuê.

TSCĐ thuê tài chính cũng được coi như TSCĐ của doanh nghiệp, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và doanh nghiệp có trách nhiệm quản lý, sử dụng và trích khấu hao như các TSCĐ tự có của doanh nghiệp.

+ TSCĐ thuê hoạt động: là TSCĐ thuê không thỏa mãn bất cứ điều khoản nào của hợp đồng thuê tài chính. Bên đi thuê chỉ được quản lý, sử dụng trong thời hạn hợp đồng và phải hoàn trả cho bên cho thuê khi kết thúc hợp đồng.

Phân loại TSCĐ theo quyền sử hữu giúp cho việc quản lý và tổ chức hạch toán phù hợp theo từng loại TSCĐ, góp phần sử dụng hợp lý và có hiệu quả TSCĐ ở doanh nghiệp.

c. Phân loại TSCĐ theo đặc trưng kỹ thuật.

Theo đặc trưng kỹ thuật, từng loại TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được phân loại, sắp xếp một cách chi tiết, cụ thể hơn.

- Đối với TSCĐ hữu hình gồm:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: Gồm nhà làm việc, nhà ở, nhà kho, xưởng sản xuất, cửa hàng, gara để xe, chuồng trại chăn nuôi, giếng khoan, bể chứa, sân phơi, cầu cống, đường sá, hàng rào...

+ Máy móc, thiết bị: Gồm các máy móc thiết bị động lực, máy móc thiết bị công tác và các loại máy móc thiết bị khác dùng trong sản xuất kinh doanh.

+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn: ô tô, máy kéo, tàu thuyền ca nô dùng trong vận chuyển; hệ thống đường ống dẫn nước, dẫn hơi, ôxy, khí nén, hệ thống đường dây dẫn điện, hệ thống truyền thanh... thuộc TSCĐ của doanh nghiệp.

+ Thiết bị dụng cụ quản lý: Gồm các thiết bị sử dụng trong quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, dụng cụ đo lường, thí nghiệm.

+ Cây lâu năm, gia súc cơ bản.

+ TSCĐ khác: Gồm các loại TSCĐ chưa được xếp vào các loại TSCĐ nói trên (tác phẩm nghệ thuật, sách báo chuyên môn kỹ thuật...).

- Đối với TSCĐ vô hình, gồm:

+ Quyền sử dụng đất: Là giá trị đất, mặt nước, mặt biển hình thành do phải chi phí để mua, đền bù, san lấp, cải tạo nhằm mục đích có được mặt bằng SXKD.

+ Chi phí thành lập doanh nghiệp: Là các chi phí phát sinh để thành lập doanh nghiệp như chi phí thăm dò, lập dự án đầu tư, chi phí huy động vốn ban đầu, chi phí hội họp... nếu những người tham gia thành lập doanh nghiệp xem xét, đồng ý coi như một phần vốn góp của mỗi bên và được ghi trong vốn điều lệ của doanh nghiệp.

+ Bằng phát minh sáng chế: Giá trị bằng phát minh sáng chế là các chi phí doanh nghiệp phải trả cho các công trình nghiên cứu, sản xuất thử được Nhà nước cấp bằng phát minh, sáng chế hoặc số tiền doanh nghiệp mua lại bản quyền bằng sáng chế, phát minh.

Chương II - Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh

+ Chi phí nghiên cứu, phát triển: Là các chi phí doanh nghiệp tự thực hiện hoặc thuê ngoài thực hiện các công trình có quy mô lớn về nghiên cứu, lập các đề án, kế hoạch, dự án đầu tư phát triển nhằm đem lại lợi ích lâu dài cho doanh nghiệp.

+ TSCĐ vô hình khác: Gồm quyền đặc nhượng, quyền thuê ngoài, bản quyền tác giả (tác quyền), quyền sử dụng hợp đồng, độc quyền nhãn hiệu và tên hiệu... Quyền đặc nhượng là các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được đặc quyền thực hiện khai thác các nghiệp vụ quan trọng hoặc độc quyền về thị trường, độc quyền sản xuất một loại sản phẩm theo các hoạt động đặc nhượng ký kết với Nhà nước hoặc một đơn vị nhượng quyền.

Quyền thuê nhà là các chi phí sang nhượng, chuyển quyền mà doanh nghiệp nhận cho tác giả độc quyền phát hành và bán các tác phẩm của mình.

Độc quyền về nhãn hiệu và tên hiệu là chi phí phải trả cho việc mua lại nhãn hiệu hàng hoá hoặc tên hiệu doanh nghiệp nào đó.

Phân loại TSCĐ theo đặc trưng kỹ thuật giúp cho việc quản lý và hạch toán chi tiết, cụ thể theo từng loại, nhóm TSCĐ và phương pháp khấu hao thích hợp đối với từng loại, nhóm TSCĐ.

Ngoài các cách phân loại nói trên, trong kế toán quản trị còn có các cách phân loại TSCĐ khác nhằm đáp ứng các yêu cầu quản trị cụ thể của doanh nghiệp như phân loại TSCĐ theo công dụng kinh tế, phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng...

2.2.2. Đánh giá tài sản cố định

Xuất phát từ đặc điểm và yêu cầu quản lý TSCĐ trong quá trình sử dụng TSCĐ được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại.

a. Nguyên giá TSCĐ.

Nguyên giá TSCĐ (còn gọi là giá trị ghi sổ ban đầu) là toàn bộ các chi phí bình thường và hợp lý mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có tài sản đó và đưa TSCĐ đó vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Như vậy, nguyên giá TSCĐ được đánh giá theo nguyên tắc giá phí (mua hoặc tự sản xuất), bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan đến mua hoặc xây dựng, chế tạo, kể cả các chi phí vận chuyển lắp đặt, chạy thử và các chi phí hợp lý, cần thiết khác trước khi sử dụng, cụ thể là:

* Giá phí mua = Giá mua thuần thương mại (đã khấu trừ các khoản chiết khấu, giảm giá).

Cộng (+) thuế nhập khẩu.

Cộng (+) các loại thuế không thể thu hồi (thuế giá trị gia tăng không được khấu trừ, thuế tài sản...).

Cộng (+) chi phí vận chuyển.

Cộng (+) chi phí đưa vào sử dụng được phân bổ vào nguyên giá.

Theo chuẩn mực kế toán quốc tế số 16 (IAS 16). Các chi phí đưa TSCĐ vào sử dụng được phân bổ vào giá phí (nguyên giá TSCĐ) gồm:

- Chi phí chuẩn bị mặt bằng.
- Chi phí lắp đặt.
- Chi phí thù lao cho môi giới.

Chương II - Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh

Các chi phí sau đây thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ (trừ chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ vào sử dụng):

- Chi phí khởi công.
- Chi phí chung và chi phí hành chính.

Trong trường hợp mua TSCĐ thanh toán chậm, có phát sinh lãi về tín dụng (như trường hợp thuê mua TSCĐ...), nguyên tắc xác định nguyên giá TSCĐ là giá trị hiện tại hoá còn phần chênh lệch (tiền lãi tín dụng) được hạch toán vào chi phí trả trước trong suốt thời hạn tín dụng. Tuy vậy, chuẩn mực kế toán Quốc tế 23 (IAS 23) cho phép vốn hoá lãi tín dụng vào giá phí TSCĐ.

* Trường hợp TSCĐ do doanh nghiệp tự xây dựng, chế tạo để sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ cũng được xác định theo những nguyên tắc giống như trong trường hợp xác định nguyên giá TSCĐ được mua sắm bao gồm toàn bộ các chi phí liên quan đến sản xuất, xây dựng hay chế tạo tài sản đó. Tiền lãi trên các khoản vay dùng vào đầu tư TSCĐ cũng có thể được tính vào nguyên giá TSCĐ (chuẩn mực 23 - IAS 23).

* Các trường hợp đặc biệt khác:

- Nguyên giá TSCĐ nhận của đơn vị khác góp vốn liên quan là trị giá thoả thuận của các bên liên doanh, cộng các chi phí trước khi sử dụng (nếu có).

- Nguyên giá TSCĐ được cấp là giá ghi trong “Biên bản bàn giao TSCĐ” của đơn vị cấp và các chi phí lắp đặt, chạy thử ... (nếu có).

- Nguyên giá TSCĐ được tặng, biếu là giá tính toán trên cơ sở giá thị trường của các TSCĐ tương đương.

Việc ghi sổ TSCĐ theo nguyên giá cho phép đánh giá tổng quát năng lực sản xuất, trình độ trang bị cơ sở vật chất, kỹ thuật và quy mô doanh nghiệp. Chỉ tiêu nguyên giá TSCĐ còn là cơ sở để tính toán khấu hao, theo dõi tình hình thu hồi vốn đầu tư ban đầu và xác định hiệu suất sử dụng TSCĐ.

Kế toán TSCĐ phải triệt để tôn trọng nguyên tắc ghi theo nguyên giá. Nguyên giá của từng đối tượng TSCĐ trên sổ và báo cáo kế toán chỉ được xác định một lần khi tăng TSCĐ và không thay đổi trong suốt thời gian tồn tại của TSCĐ ở doanh nghiệp, trừ các trường hợp sau:

- + Đánh giá lại TSCĐ.
- + Xây dựng, trang bị thêm TSCĐ.
- + Cải tạo, nâng cấp làm tăng năng lực hoạt động và kéo dài tuổi thọ của TSCĐ.
- + Tháo dỡ bớt các bộ phận làm giảm nguyên giá TSCĐ.

b. Giá trị còn lại của TSCĐ.

Giá trị còn lại (còn gọi là giá trị kế toán) của TSCĐ là hiệu số giữa nguyên giá TSCĐ và số khấu hao lũy kế.

Giá trị còn lại = Nguyên giá - Khấu hao lũy kế.

Trường hợp nguyên giá TSCĐ được đánh giá lại thì giá trị còn lại của TSCĐ cũng được xác định lại.

Chương II - Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh

Thông thường, giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại được điều chỉnh theo công thức:

$$\text{Giá trị còn lại của TSCĐ sau khi đánh giá lại} = \text{Giá trị còn lại của TSCĐ đánh giá lại} \times \frac{\text{Giá trị đánh giá lại của TSCĐ}}{\text{Nguyên giá của TSCĐ}}$$

Ngoài phương pháp chuẩn nói trên, ở chuẩn mực 16 (IAS 16) còn quy định phương pháp thay thế được chấp nhận:

$$\text{Giá trị còn lại} = \text{Giá trị đánh giá lại} - \text{Khấu hao lũy kế.}$$

2.2.3. Đối tượng ghi tài sản cố định.

Để phục vụ cho yêu cầu quản trị TSCĐ trong doanh nghiệp, TSCĐ cần được ghi sổ theo từng đối tượng ghi TSCĐ (đối tượng TSCĐ).

Đối tượng ghi TSCĐ hữu hình là từng vật kết cấu hoàn chỉnh với tất cả các vật gá lắp và phụ tùng kèm theo; hoặc là những vật thể riêng biệt về mặt kết cấu dùng để thực hiện những chức năng độc lập nhất định; hoặc là một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định mà thiếu bất kỳ một bộ phận nào trong đó thì cả hệ thống không thể hoạt động được.

Đối tượng ghi TSCĐ vô hình là từng TSCĐ vô hình gắn với một nội dung chi và một mục đích riêng như khoản chi về thành lập doanh nghiệp, chi về bằng phát minh sáng chế hay khoản chi về lợi thế thương mại...

Để tiện cho việc theo dõi, quản lý đối với từng đối tượng TSCĐ hữu hình, cần phải đánh số TSCĐ. Đánh số TSCĐ là qui định cho mỗi đối tượng ghi TSCĐ hữu hình một số hiệu riêng theo nguyên tắc nhất định, đảm bảo sử dụng thống nhất trong phạm vi doanh nghiệp.

Từng đối tượng ghi TSCĐ, kể cả đang sử dụng và đang dự trữ đều phải có số hiệu riêng. Số hiệu của từng đối tượng ghi TSCĐ không thay đổi trong suốt thời gian bảo quản, sử dụng TSCĐ tại doanh nghiệp. Kế toán không được sử dụng số hiệu của những TSCĐ đã thanh lý, nhượng bán, biếu tặng, đưa đi liên doanh, mất (TSCĐ đã giảm) cho những TSCĐ mới tăng thêm.

Mỗi doanh nghiệp có cách đánh số TSCĐ riêng phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp, song cần đảm bảo yêu cầu: số hiệu TSCĐ phải thể hiện được loại, nhóm và đối tượng ghi từng TSCĐ riêng biệt.

Ví dụ: Trong hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp qui định ký hiệu 211- TSCĐ hữu hình. Do TSCĐ hữu hình trong doanh nghiệp được chia thành các loại: nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc thiết bị; phương tiện vận tải, truyền dẫn; dụng cụ quản lý... Trong từng loại TSCĐ có thể gồm nhiều nhóm, như loại nhà cửa, vật kiến trúc có nhóm nhà cửa, nhóm vật kiến trúc. Trong nhóm TSCĐ là nhà cửa gồm nhiều toà nhà, căn nhà, vì vậy có thể đánh số cho các TSCĐ trong nhóm nhà cửa như sau: 211111 Số hiệu nhà số 1 trong nhóm 1 (nhóm nhà cửa) thuộc loại 1 (loại nhà cửa, vật kiến trúc).

211112 Số hiệu nhà số 2 trong nhóm1 (nhóm nhà cửa) thuộc loại 1 (loại nhà cửa, vật kiến trúc).

Chương II - Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh

211121 Số hiệu vật kiến trúc số 1 trong nhóm 2 (nhóm vật kiến trúc) thuộc loại 1 (loại nhà cửa, vật kiến trúc)...

Hoặc dùng tập hợp số được sắp xếp theo thứ tự nhất định để chỉ loại, nhóm rồi dùng các chữ cái để chỉ đối tượng ghi TSCĐ trong nhóm. Ví dụ 21111A Số hiệu nhà A trong nhóm 1 (nhóm nhà cửa) thuộc loại 1 (loại nhà cửa, vật kiến trúc); 21111B Số hiệu nhà B trong nhóm 1 (nhóm nhà cửa) thuộc loại 1 (loại nhà cửa, vật kiến trúc);... 21112C Số hiệu vật kiến trúc C trong nhóm 2 (nhóm vật kiến trúc) thuộc loại 1 (loại nhà cửa, vật kiến trúc); 21112D Số hiệu vật kiến trúc D trong nhóm 2 (nhóm vật kiến trúc) thuộc loại 1 (loại nhà cửa, vật kiến trúc)...

Số lượng chữ số trong số hiệu TSCĐ cũng tùy thuộc vào số lượng đối tượng ghi TSCĐ trong nhóm và số lượng nhóm TSCĐ trong loại. Tuy nhiên, số lượng đối tượng ghi trong một nhóm TSCĐ và số lượng nhóm trong một loại TSCĐ thường ít hơn đối với hàng tồn kho, nên số hiệu TSCĐ thường ít chữ số hơn.

Số hiệu TSCĐ hữu hình có thể được gắn trực tiếp cho từng TSCĐ để tiện việc quản lý theo dõi. Việc gắn số hiệu vào từng TSCĐ có thể thực hiện sử dụng biển số bằng gỗ hay bằng kim loại.

2.2.4. Kế toán chi tiết tài sản cố định.

Trong quá trình sử dụng TSCĐ vào sản xuất kinh doanh, giá trị của TSCĐ bị hao mòn dần và chuyển dịch từng phần vào chi phí sản xuất kinh doanh. Nhưng TSCĐ hữu hình vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu cho đến khi hư hỏng. Mặt khác, TSCĐ được sử dụng và bảo quản ở các bộ phận khác nhau trong doanh nghiệp. Bởi vậy, kế toán chi tiết TSCĐ phải phản ánh và kiểm tra tình hình tăng, giảm, hao mòn TSCĐ của toàn doanh nghiệp và của từng nơi bảo quản, sử dụng theo từng đối tượng ghi TSCĐ. Ngoài các chỉ tiêu phản ánh nguồn gốc, thời gian hình thành TSCĐ, công suất thiết kế, số hiệu TSCĐ, kế toán phải phản ánh nguyên giá, giá trị hao mòn, giá trị còn lại của từng đối tượng ghi TSCĐ tại từng nơi sử dụng, bảo quản TSCĐ.

a. Kế toán chi tiết TSCĐ tại các nơi sử dụng, bảo quản TSCĐ

Việc theo dõi TSCĐ theo nơi sử dụng nhằm gắn trách nhiệm bảo quản, sử dụng tài sản với từng bộ phận, từ đó nâng trách nhiệm và hiệu quả trong bảo quản sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

Tại các nơi sử dụng TSCĐ (phòng, ban, đội sản xuất, phân xưởng sản xuất...) sử dụng "Sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng" để theo dõi tình hình tăng, giảm TSCĐ do từng đơn vị quản lý, sử dụng. Mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng, trong đó ghi TSCĐ tăng, giảm của đơn vị mình theo từng chứng từ tăng, giảm TSCĐ, theo thứ tự thời gian phát sinh nghiệp vụ tăng, giảm TSCĐ (doanh nghiệp có thể sử dụng mẫu sổ này trong hệ thống kế toán doanh nghiệp - xem mẫu sổ phần sau).

b. Kế toán chi tiết ở bộ phận kế toán doanh nghiệp.

Tại bộ phận kế toán doanh nghiệp, kế toán chi tiết TSCĐ sử dụng thẻ TSCĐ, sổ đăng ký thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ toàn doanh nghiệp để theo dõi tình hình tăng, giảm, hao mòn TSCĐ.

Thẻ TSCĐ do kế toán TSCĐ lập cho từng đối tượng ghi TSCĐ của doanh nghiệp. Thẻ gồm bốn phần:

Chương II - Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh

Phần đầu: Ghi các chỉ tiêu chung về TSCĐ như tên, ký, mã hiệu, qui cách (cấp hàng), số liệu TSCĐ, nước sản xuất...

Phần 2: Ghi các chỉ tiêu nguyên giá từ khi bắt đầu hình thành TSCĐ và nguyên giá thay đổi theo các thời kỳ do đánh giá lại, xây dựng, trang bị thêm hoặc tháo bớt bộ phận... và giá trị hao mòn đã trích qua các năm.

Phần 3: Ghi số phụ tùng, dụng cụ, đồ nghề kèm theo TSCĐ.

Phần 4: Ghi giảm TSCĐ, phản ánh số, ngày tháng của chứng từ giảm TSCĐ và lý do giảm TSCĐ.

Mẫu thẻ TSCĐ trong phần hướng dẫn về chứng từ kế toán - hệ thống kế toán doanh nghiệp - Xem mẫu thẻ TSCĐ phần sau.

Thẻ TSCĐ được lưu ở phòng (ban) kế toán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ. Vì vậy, phải có hòm thẻ để bảo quản. Trong hòm thẻ, cần bố trí các ngăn đựng thẻ TSCĐ được sắp xếp một cách khoa học theo từng nhóm loại TSCĐ và theo từng nơi sử dụng tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm khi dùng thẻ.

Sổ đăng ký thẻ TSCĐ: Ngoài việc bảo quản thẻ TSCĐ trong hòm thẻ, kế toán sau khi lập thẻ cần đăng ký thẻ vào sổ đăng ký thẻ TSCĐ nhằm dễ phát hiện nếu thẻ bị thất lạc.

Sổ TSCĐ: Mỗi loại TSCĐ (nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải...) được dùng riêng một sổ hoặc một số trang trong sổ để theo dõi tình hình tăng, giảm, khấu hao của các TSCĐ trong từng loại. Nếu một loại TSCĐ có nhiều nhóm thì nên chia sổ thành các phần để phản ánh các đối tượng ghi TSCĐ thuộc từng nhóm giúp cho việc sử dụng số liệu lập báo cáo định kỳ về TSCĐ được thuận tiện. (Mẫu sổ TSCĐ xem phần sau).

Căn cứ để ghi vào thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ, sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng là các chứng từ về tăng, giảm, khấu hao TSCĐ và các chứng từ gốc có liên quan trong hướng dẫn về chứng từ kế toán - Hệ thống kế toán doanh nghiệp, đó là:

- Biên bản giao nhận TSCĐ (mẫu số 01 - TSCĐ) - Biên bản thanh lý TSCĐ (mẫu số 012 - TSCĐ).

- Biên bản giao nhận TSCĐ sửa chữa lớn hoàn thành (Mẫu số 04-TSCĐ).

- Biên bản đánh giá lại TSCĐ (mẫu số 05-TSCĐ).

- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ

- Các tài liệu kỹ thuật có liên quan (hồ sơ TSCĐ).

Khi có nghiệp vụ tăng TSCĐ, kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan để lập thẻ TSCĐ theo từng đối tượng ghi TSCĐ, sau đó ghi vào sổ đăng ký thẻ TSCĐ rồi bảo quản thẻ vào hòm thẻ. Đồng thời, kế toán căn cứ vào các chứng từ liên quan đến tăng TSCĐ để ghi vào sổ TSCĐ (phần ghi tăng TSCĐ).

Khi phát sinh nghiệp vụ giảm TSCĐ, kế toán căn cứ vào chứng từ giảm TSCĐ để ghi vào phần giảm TSCĐ trên thẻ TSCĐ liên quan. Đồng thời, ghi giảm ở sổ đăng ký thẻ TSCĐ và lưu thẻ TSCĐ giảm vào ngăn riêng trong hòm thẻ. Mặt khác, căn cứ vào chứng từ liên quan để ghi vào phần giảm TSCĐ và xác định số khấu hao lũy kế của TSCĐ giảm để ghi vào các cột liên quan trên sổ TSCĐ .

Chương II - Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh

Căn cứ vào số liệu trên các bảng tính và phân bổ khấu hao, nhân viên kế toán tổng hợp số khấu hao hàng năm của từng đối tượng ghi TSCĐ và xác định giá trị hao mòn cộng dồn để ghi vào phần liên quan trong thẻ TSCĐ và sổ TSCĐ toàn doanh nghiệp.

Bảng 2.5

SỔ TÀI SẢN THEO ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

Năm 200...

Tên đơn vị (Phòng, ban hoặc người sử dụng):

Ghi tăng tài sản và công cụ lao động							Ghi giảm tài sản và công cụ lao động					Ghi chú
Chứng từ		Tên, nhân hiệu, qui dách TSCĐ và công cụ lao động nhỏ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ		Lý do	Số lượng	Số tiền	
SH	Ngày tháng năm						SH	Ngày tháng năm				
1	2	3	4	5	6	7 (5x6)	8	9	10	11	12	13

Người ghi số
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 200...
Kế toán trưởng

Chương II - Kế toán quản trị các yếu tố sản xuất kinh doanh

Bảng 2.6

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số: 02 - TSCĐ

TC/QĐ/CĐKT

số:1141Ngày 1 tháng 11

chính

Ban hành theo QĐ

năm1995 của Bộ Tài

THẺ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Số :

Ngày.... tháng.... năm....lập thẻ....

Kế toán trưởng (ký, họ tên).....

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số....ngày....tháng... năm 199

Tên, ký mã hiệu, qui cách (cấp hạng) TSCĐ.... Số hiệu TSCĐ.....

Nước sản xuất (xây dựng)..... Năm sản xuất

Bộ phận quản lý, sử dụng..... Năm đưa vào sử dụng.....

Công suất (diện tích) thiết kế.....

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày....tháng.....năm 199....

Lý do đình chỉ.....

Số hiệu CT	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn tài sản cố định		
	Ngày, tháng, năm	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
A	B	C	1	2	3	4

	Tên, qui cách, dụng cụ, phụ tùng	ĐVT	Số lượng	Giá trị
A	B	C	1	2

Ghi giảm TSCĐ chứng từ số.....ngày.....tháng.....năm199.....

Lý do giảm

(Ký, họ tên)

Bảng 2.7

SỔ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Loại Tài sản.....

Số thứ tự	Ghi tăng tài sản cố định							Khấu hao TSCĐ			Ghi giảm TSCĐ		
	Chứng từ		Tên, đặc điểm, ký hiệu TSCĐ	Nước sản xuất	Tháng năm đưa vào sử dụng	Số hiệu TSCĐ	Nguyên giá TSCĐ	Khấu hao		Khấu hao đã trích	Chứng từ		Lý do ghi giảm
	SH	Ngày tháng năm						Tỷ lệ KH	Mức KH		Số	Ngày tháng năm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm 200...
Kế toán trưởng